

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 415/2023/DS-PT

Ngày: 25- 8- 2023

V/v: “*Tranh chấp thừa kế*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Hoàng.

Các Thẩm phán: Ông Vũ Toàn Giang;

Bà Nguyễn Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn – Thẩm tra viên TAND Thành phố Hà Nội.

- Đại diện VKSNDTP Hà Nội: Bà Nguyễn Thị Phương Lan- Kiểm sát viên.

Ngày 25/8/2023 tại trụ sở TAND Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2023/DSPT ngày 13/4/2023 về “*Tranh chấp thừa kế*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 15/02/2023 của TAND thị xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 315/2023/QĐXX-PT ngày 05/7/2023 và Thông báo mở lại phiên tòa của TAND Thành phố Hà Nội, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Nho, sinh năm 1947. Địa chỉ: Số 89 Lê Lợi, phường Lê Lợi, thị xã Sơn Tây, Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Chu Thị Bình, sinh năm 1956. Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Tiền Huân, phường Viên Sơn, thị xã Sơn Tây, Hà Nội. Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Hoàn, sinh năm 1954. Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Tiền Huân, phường Viên Sơn, thị xã Sơn Tây, Hà Nội. Có mặt;

3.2. *Người thừa kế ông Nguyễn Đăng Phong, đã chết năm 2017;*

3.2.1. Bà Chu Thị Bình, sinh năm 1956 (*Vợ ông Phong*). Có mặt;

3.2.2. Anh Nguyễn Thế Anh, sinh năm 1975 (*con ông Phong, bà Bình*). Có mặt;

3.2.3. Anh Nguyễn Hải Nam, sinh năm 1979 (*con ông Phong, bà Bình*). Có mặt;

Cùng địa chỉ: Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Tiền Huân, phường Viên Sơn, thị xã Sơn Tây, Hà Nội.

3.2.4. Chị Nguyễn Thị Mai Phương, sinh năm 1977 (*con ông, Phong, bà Bình*). Địa chỉ: Số 92, phố Tiền Huân, phường Viên Sơn, thị xã Sơn Tây, Hà Nội. Có mặt.

3.3. *Người thừa kế ông Nguyễn Đăng Kim, đã chết năm 2019:*

3.3.1. Bà Nguyễn Thị Hoa, sinh năm 1960 (*vợ ông Kim*);

3.3.2. Anh Nguyễn Đăng Kiên, sinh năm 1983 (*con ông Kim, bà Hoa*);

3.3.3. Anh Nguyễn Tùng Lâm, sinh năm 1992 (*con ông Kim, bà Hoa*);

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 3, Tiền Huân, phường Viên Sơn, Sơn Tây, Hà Nội.

3.3.4. Chị Nguyễn Thị Hiên, sinh năm 1986 (*con ông Kim, bà Hoa*). Địa chỉ: Số 14/112 Tiền Huân, phường Viên Sơn thị xã Sơn Tây, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của các anh chị: Kiên, Lâm, Hiên là bà Nguyễn Thị Hoa. Có mặt bà Hoa; Vắng mặt các anh chị: Kiên, Lâm, Hiên.

3.4. *Người thừa kế ông Nguyễn Đăng Thư, đã chết năm 2016;*

3.4.1. Bà Nguyễn Thị Nga, sinh năm 1955 (*vợ ông Thư*). Địa chỉ: Số 18/74 Tiền Huân, phường Viên Sơn, thị xã Sơn Tây, Hà Nội. Có mặt;

3.4.2. Anh Nguyễn Duy Thái, sinh năm 1979 (*con ông Thư, bà Nga*). Địa chỉ: phố Tiền Huân, phường Viên Sơn, thị xã Sơn Tây, Hà Nội.

3.4.3. Chị Nguyễn Thị Thu Hằng, sinh năm 1981 (*con ông Thư, bà Nga*). Địa chỉ: Số 14 đường Phú Thịnh, phường Phú Thịnh, thị xã Sơn Tây, Hà Nội;

3.4.5. Chị Nguyễn Thị Vân Anh, sinh năm 1983 (*con ông Thư, bà Nga*). Địa chỉ: Số 15, ngõ 16 Huỳnh Thúc Kháng, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của các anh chị: Thái, Hằng, Vân Anh là bà Nguyễn Thị Nga. Có mặt bà Nga; Vắng mặt các anh chị: Thái, Hằng, Vân Anh .

3.5. Bà Nguyễn Thị Lan, sinh năm 1957. Địa chỉ: Tiền Huân, phường Viên Sơn, thị xã Sơn Tây, Hà Nội. *Đại diện theo ủy quyền của bà Lan là bà Nguyễn Thị Hoàn. Có mặt bà Hoàn;*

3.6. Bà Nguyễn Thị Huệ, sinh năm 1961. Địa chỉ: Số 01/49 Phù Sa, phường Viên Sơn, thị xã Sơn Tây, Hà Nội. Có mặt;

3.7. Bà Nguyễn Thị Ngọc, sinh năm 1964. Địa chỉ: 1/09/104B Tiền Huân, phường Viên Sơn, thị xã Sơn Tây, Hà Nội. Có mặt;

3.8. Bà Nguyễn Thị Hà, sinh năm 1967. Địa chỉ: 379 La Thành, phường Viên Sơn, thị xã Sơn Tây, Hà Nội. Có mặt;

4. Người kháng cáo: Bà Chu Thị Bình là bị đơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án sơ thẩm. Tại cấp sơ thẩm:

1. Nguyên đơn bà -Nguyễn Thị Nho trình bày:

Bố bà là cụ Nguyễn Đăng Hiên, chết năm 2009 không để lại di chúc. Bố mẹ cụ Hiên đã chết trước cụ. Cụ Hiên có 02 người vợ gồm:

* Cụ Nguyễn Thị Diêm, chết năm 1968. Cụ Hiên và cụ Diêm có 04 người con chung là: Bà Nguyễn Thị Nho; Ông Nguyễn Đăng Phong (*chết năm 2017, có vợ là bà Chu Thị Bình; ông Phong và bà Bình có 03 con chung là Thế Anh, Hải Nam, Mai Phương*); Ông Nguyễn Đăng Kim (*chết năm 2019, có vợ là bà Nguyễn Thị Hoa; ông Kim bà Hoa có 03 con chung là: Kiên, Lâm, Hiên*); Bà Nguyễn Thị Hoàn.

* Cụ Khuất Thị Hột, chết năm 2011. Cụ Hiên và cụ Hột có 05 người con chung gồm: Ông Nguyễn Đăng Thư (*chết năm 2016, có vợ là bà Nguyễn Thị Nga. Ông Thư và bà Nga có 03 người con chung là: Duy Thái, Thu Hằng và chị Vân Anh*); Bà Nguyễn Thị Lan; Bà Nguyễn Thị Huệ; Bà Nguyễn Thị Ngọc; Bà Nguyễn Thị Hà.

Di sản cụ Hiền để lại là Quyền sử dụng thửa đất số 113, tờ bản đồ 11, diện tích 252 m² (*Sau đây viết tắt là thửa đất số 113*) tại: Thôn Tiên Huân, xã Viên Sơn, Sơn Tây, Hà Nội. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 481717 (*Sau đây viết tắt là GCNQSDĐ số T 481717*) do UBND thị xã Sơn Tây cấp ngày 06/07/2004 đứng tên cụ Hiền. Nguồn gốc thửa đất này là do cụ Hiền mua khoảng 1.200 m² của cụ Liên. Cụ Hiền đã chia cho ông Kim, ông Phong mỗi người một phần thửa đất (*các ông đều đã được cấp GCNQSDĐ*), phần còn lại là thửa đất số 113 là của cụ Hiền.

Bà Nho đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của cụ Hiền là Quyền sử dụng là thửa đất số 113, GCNQSDĐ số T 481717 và tài sản gắn liền với đất theo pháp luật.

2. Bị đơn là bà Chu Thị Bình trình bày:

Thừa nhận quan hệ huyết thống đúng như nguyên đơn trình bày:

Theo bị đơn: Cụ Hiền để lại thửa đất số 113; diện tích 252 m², đứng tên cụ Hiền tại GCNQSDĐ số T 481717. Nguồn gốc thửa đất số 113 là: Năm 1972, cụ Hiền mua thửa đất diện tích khoảng 907m² của cụ Nguyễn Xuân Liên, với giá 550.000 đồng. Cụ Hiền đã trả cho cụ Liên 280.000 đồng, số tiền còn lại vợ chồng bà trả tiếp. Khi mua đất của cụ Liên có 01 nhà cấp IV và 01 gian bếp. Sau đó, vợ chồng bà làm lại ngôi nhà như hiện nay. Khi chết cụ Hiền có lập di chúc có sự chứng kiến của UBND xã Viên Sơn, đại diện chi tộc cùng các con. Nội dung di chúc:

Phần 1: Để lại phần nhà kiên cố khoảng 40m² và phần đất chiếu theo nhà để làm nơi thờ cúng. Phần 2,3 chia cho 02 người con trai là ông Kim và ông Phong.

Bà Bình không nhất trí chia thừa kế thửa đất số 113 theo pháp luật mà đề nghị thực hiện theo nội dung di chúc để thửa đất số 113 làm nơi thờ cúng các cụ, dòng tộc.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Các anh, chị: Thế Anh; Hải Nam, Mai Phương trình bày:

Các anh chị là con của ông Phong và bà Bình. Năm 2009, vợ chồng anh Thế Anh có sửa chữa lại ngôi nhà trên thửa đất số 113. Hiện tại gia đình anh Thế Anh đang sinh sống trên thửa đất này. Nay các anh chị đề nghị để lại thửa đất 113 làm nơi thờ cúng và giao cho bà Bình quản lý.

3.2. Bà Hoàn, bà Hoa, anh Kiên, anh Lâm, chị Hiền, bà Nga, anh Thái, chị Hằng, chị Vân Anh, bà Lan, bà Huệ, bà Ngọc, bà Hà trình bày:

Cùng đề nghị phân di sản mà họ được hưởng để cho bà Nho 100 m² trong thửa đất 113 (*04 m mặt tiền*), còn lại để làm nơi thờ cúng và giao cho bà Bình quản lý theo biên bản hòa giải ngày 20/07/2022.

Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá ngày 16/8/2022. Xác định

Toàn bộ quyền sử dụng thửa đất số 113 diện tích 252 m² trị giá thành tiền là (252m² x 4.827.000 đồng/m²) = 1.216.404.000 đồng

- Các tài sản trên đất gồm: Nhà 04 gian một tầng (54,3 m² x 3.466.000 đ/m²) x 40% = 75.281.520 đồng; sân lát gạch đỏ (92,8m² x 207.000 đồng/m²) x 40% = 7.683.840 đồng là tài sản của gia đình bà Bình phát triển.

Ngoài ra còn 01 cây nhang một số cây cối, giàn hoa có giá trị không lớn các đương sự không yêu cầu định xem xét, định giá;

Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 15/2/2023, TAND thị xã Sơn Tây quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nho về việc chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Đăng Hiền.

1. Xác định di sản thừa kế ông Nguyễn Đăng Hiền gồm có Quyền sử dụng thửa đất số 113, tờ bản đồ 11, diện tích 252 m²; tại: Thôn Tiền Huân, xã Viên Sơn, Sơn Tây, Hà Nội. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 481717, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 01112/QSĐĐ/VS do UBND thị xã Sơn Tây cấp ngày 06/07/2004 đứng tên ông Nguyễn Đăng Hiền và tài sản gắn liền với đất.

2. Giao cho bà Chu Thị Bình và các con Anh Nguyễn Thế Anh và Anh Nguyễn Hải Nam và Chị Nguyễn Thị Mai Phương được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 113-1, tờ bản đồ số 11, diện tích 151.3 m² trong có một phần làm nơi thờ cúng. Cụ thể: các điểm từ mốc 1 đến mốc 2 là 28,98m; từ mốc 2 đến mốc 2a là 4,72 m; từ mốc 2a đến mốc 7a là 22,89m; từ mốc 7a đến mốc 7 là 0,16 m; từ mốc 7 đến mốc 8 là 6,82m; từ mốc 8 đến mốc 1 là 5,51 m. Trên đất có nhà, diện tích là 31,6m². (Có bản vẽ sơ đồ kèm theo)

3. Giao cho cho bà Nguyễn Thị Nho được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 113-2, tờ bản đồ số 11, diện tích 100.7 m². Cụ thể: các điểm từ mốc 2a đến mốc 3 là 4,00 m; từ mốc 3 đến mốc 4 là 12,55 m; từ mốc 4 đến mốc 5 là 10,07m; từ mốc 5 đến mốc 6 là 0,48 m; từ mốc 6 đến mốc 7 là 3,84m; từ mốc 7a đến mốc 2a là 22,89 m. Trên đất có nhà, diện tích là 25,5m² (Có bản vẽ sơ đồ kèm theo).

Bà Chu Thị Bình và bà Nho căn cứ phần đất của mình được chia. Sau khi án có hiệu lực pháp luật có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 4 Điều 95 Luật đất đai 2013.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí; quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án; quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm.

Bà Chu Thị Bình là bị đơn, kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, theo yêu cầu của các đương sự: Ngày 03/8/2023, Tòa cấp phúc thẩm tiến hành xem xét thẩm định lại khối di sản đang tranh chấp. Kết quả: Thửa đất số 113 diện tích đo thực tế 249,3 m² (249,3m² x 4.827.000 đồng/m²) = 1.203.371.100 đồng. Các tài sản trên đất vẫn giữ nguyên như cấp sơ thẩm đã xem xét thẩm định, định giá ngày 16/8/2022.

Tại biên bản là việc ngày 03/8/2023. Bà Ngọc, bà Nga, bà Lan trình bày nếu ký phần họ được hưởng thừa kế thì bà tặng cho bà Bình.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn, người kháng cáo- Bà Bình trình bày: Bà xác định thửa đất 113 do cụ Hiền để lại phải thực hiện theo “Bản di chúc thừa kế tài sản” lập ngày 07/7/1999 để

làm nơi thờ cúng tổ tiên, không nhất trí phân chia theo yêu cầu của bà Nho. Trường hợp phải phân chia thì cần phải xác định công sức của gia đình bà hợp lý. Vì: Khi cụ Hiền mua của cụ Liêm, cụ Hiền mới trả 280.000 đồng còn 270.000 đồng thì vợ chồng bà trả nốt. Trên thửa đất tranh chấp có ngôi nhà mái bằng diện tích 44 m² là của vợ chồng bà xây dựng năm 1986. Năm 2009 sửa lại, tôn nền nhà, nền sân trước nhà, trát lại tường nhà lát nền nhà, lát sân gạch đỏ. Tòa sơ thẩm không xem xét đến tài sản của vợ chồng bà làm trên đất, không xem xét công sức duy trì, tôn tạo đất và chia đất cho bà Nho vào nhà của gia đình bà đã xây dựng. Đề nghị chia cho bà Nho vào phần đất trống hoặc đổi cho bà Nho phần đất mà cụ Hiền đã cho ông Phong. Những người đã cho bà kỷ phần mà họ được hưởng thì bà xin nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đảm bảo quyền lợi cho bà.

Nguyên đơn - Bà Nho trình bày: Bản án sơ thẩm đã giải quyết đúng pháp luật, bà không kháng cáo. Bà giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Nho giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nga trình bày: Giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm. Kỷ phần mà ông Thư được hưởng thừa kế do bà và các con được hưởng thừa kế chuyển tiếp cùng thống nhất cho bà Bình được hưởng.

Bà Ngọc, bà Huệ trình bày: Các bà giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm. Kỷ phần mà các bà được hưởng thừa kế, các bà cho bà Bình được hưởng.

Bà Hoàn trình bày: Bà giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm. Kỷ phần mà bà được hưởng thừa kế, bà cho bà Nho được hưởng. Bổ sung thêm “Bản di chúc thừa kế tài sản” lập ngày 07/7/1999 mà bà Bình xuất trình không phải là di chúc mà chỉ là bản hợp gia đình. Nhưng kể từ khi lập năm 1999 cho đến năm 2003- 2004 cụ Hiền đã phân chia cho ông Phong thửa đất số 112; ông Kim thửa đất số 111; cụ Hiền giữ lại thửa đất số 113 cho đến khi cụ chết cụ không thay đổi.

Với tư cách là đại diện theo ủy quyền của bà Lan, bà Hoàn xác định bà Lan giữ nguyên ý kiến như biên bản là việc ngày 03/8/2023.

Bà Hoa, bà Hà trình bày: Giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm. Kỷ phần mà ông Kim được hưởng thừa kế do bà Hoa và các con được hưởng thừa kế chuyển tiếp cùng thống nhất cho bà Bình, bà Nho mỗi người được hưởng 1/2. Kỷ phần bà Hà được hưởng thừa kế từ cụ Hiền bà tặng cho bà Bình, bà Nho mỗi người được hưởng 1/2.

Anh Anh, anh Nam và chị Phương thống nhất trình bày: Các anh, chị cùng bà Bình là người thừa kế chuyển tiếp của ông Phong; cùng nhất trí với các ý kiến trình bày của bà Bình thỏa thuận nếu kỷ phần của ông Phong được hưởng; phần công sức gia đình bà Bình thì giao cho bà Bình được hưởng quản lý sử dụng cho đến khi các anh chị tự thỏa thuận phân chia hoặc khởi kiện phân chia bằng vụ kiện khác. Anh Thế Anh trình bày bổ sung: Mặc dù anh không có tài liệu, chứng cứ bằng văn bản nhưng anh khẳng định khi cụ Hiền mua đất của cụ Liêm còn thiếu tiền, sau đó bố mẹ anh (ông

Phong, bà Bình) phải trả nợ tiếp. Anh có công trong việc xây dựng, sửa chữa nhà, xây dựng các công trình trên đất nhưng anh đồng ý giao cho mẹ anh (bà Bình) được hưởng.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa không gửi văn bản trình bày quan điểm, ý kiến với Hội đồng xét xử.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về cách giải quyết vụ án.

*** Kiểm sát viên VKSND Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:**

Về tố tụng:

- Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tiến hành phiên tòa đúng quy định.
- Người kháng cáo thực hiện việc kháng cáo trong thời hạn luật định.
- Một số đương sự không kháng cáo vắng mặt nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền của họ có mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa vắng mặt họ.

Về Nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Bình. Sửa bản án sơ thẩm xác định và thanh toán công sức và phần tài sản phát triển trên đất của gia đình bà Bình

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Tố tụng:

- Cấp sơ thẩm thụ lý giải, quyết vụ án đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Người kháng cáo thực hiện việc kháng cáo trong thời hạn luật định.
- Một số đương sự không kháng cáo, vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có người đại diện theo ủy quyền của họ có mặt.

[2]. Về nội dung:

2.1. Những nội dung mà cấp sơ thẩm đã xác định đúng, các bên đương sự cùng thống nhất không phải chứng minh và không kháng cáo:

- Cụ Hiền chết năm 2009. Bố mẹ cụ Hiền đều đã chết trước cụ Hiền. Cụ Hiền có 02 người vợ, vợ cả là cụ Nguyễn Thị Diêm (chết năm 1968), vợ hai là cụ Khuất Thị Hột (chết năm 2011). Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hiền gồm:

- Bà Nguyễn Thị Nho;
- Bà Nguyễn Thị Hoàn;
- Ông Nguyễn Đăng Phong (chết năm 2017) do bà Chu Thị Bình (vợ ông Phong) và các con là: Anh Nguyễn Thế Anh, anh Nguyễn Hải Nam và chị Nguyễn Thị Mai Phương là người thừa kế chuyển tiếp; cùng thỏa thuận nếu kỷ phần của ông Phong được hưởng thì giao cho bà Bình đại diện quản lý;

- Ông Nguyễn Đăng Kim (chết năm 2019) do bà Nguyễn Thị Hoa (vợ ông Kim) và các con là: Anh Nguyễn Đăng Kiên, anh Nguyễn Tùng Lâm và chị Nguyễn Thị Hiền là người thừa kế chuyển tiếp; cùng thỏa thuận nếu kỷ phần của ông Kim được hưởng thì giao cho bà Hoa đại diện quyết định toàn bộ;

- Ông Nguyễn Đăng Thư (chết năm 2016) do bà Nguyễn Thị Nga (vợ ông Thư) và các con gồm: Anh Nguyễn Duy Thái, chị Nguyễn Thị Thu Hằng và chị Nguyễn

Thị Vân Anh là người thừa kế chuyển tiếp; cùng thỏa thuận nếu kỹ phần của ông Thư được hưởng thì giao cho bà Hoa đại diện quyết định toàn bộ;

- Bà Nguyễn Thị Lan,
- Bà Nguyễn Thị Huệ,
- Bà Nguyễn Thị Ngọc;
- Bà Nguyễn Thị Hà.

Cụ Diêm chết trước cụ Hiền và khối tài sản hình thành sau khi cụ Diêm đã chết nên cụ Diêm không phải là người thừa kế của cụ Hiền. Cụ Hột có quan hệ như vợ chồng với cụ Hiền tại thời điểm cụ Hiền đang có vợ hợp pháp là cụ Diêm đang còn sống, nên cụ Hiền và cụ Hột không phải là vợ chồng hợp pháp; cụ Hột không thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hiền.

Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp là do: Năm 1972 cụ Hiền nhận chuyển nhượng của cụ Nguyễn Xuân Liêm khoảng 1263 m² đất với giá 550.000 đồng. Cụ Hiền đã tách và chia thành 03 thửa (các thửa 111; 112; 113 cùng tờ bản đồ số 11, thôn Tiền Huân, xã Viên Sơn, thị xã Sơn Tây, Hà Nội). Cụ Hiền đã chia cho ông Phong thửa đất số 112; chia cho ông Kim thửa đất số 111. Ông Phong và ông Kim đều đã xây dựng nhà ở, quản lý sử dụng ổn định từ khi được chia đến nay và được UBND thị xã Sơn Tây cấp GCNQSDĐ không phát sinh tranh chấp, khiếu nại, tố cáo. Các đương sự đều xác định: Không tranh chấp và không đề nghị xem xét đối với hai thửa đất này.

2.2.Xét yêu cầu kháng cáo của bà Bình. Hội đồng xét xử thấy:

Sau khi phân chia cho ông Phong thửa đất số 112 ;ông Kim thửa đất số 111. Cụ Hiền giữ lại thửa đất số 113, diện tích cho riêng cụ và ngày 06/07/2004 cụ đã được UBND thị xã Sơn Tây cấp GCNQSD Đ số T481717. Các đương sự đều thừa nhận kể từ cụ Hiền được cấp GCNQSD Đ số T481717 đối với thửa đất số 113, không phát sinh tranh chấp. Mặc dù bà Bình xác định thửa đất 113 do cụ Hiền để lại chính là diện tích ngôi nhà cổ 40 m² và đất mà cụ Hiền giữ lại theo “Bản di chúc thừa kế tài sản” lập ngày 07/7/1999 để làm nơi thờ cúng tổ tiên, không nhất trí phân chia. Xét thấy: “Bản di chúc thừa kế tài sản” lập ngày 07/7/1999 do bà Bình xuất trình là bản phô tô, không có công chứng, chứng thực, bà thừa nhận không có bản chính để giao nộp. Do đó cấp sơ thẩm xác định tài liệu này không có căn cứ để xem xét. Tuy nhiên căn cứ nội dung của bản di chúc thì thấy: “Bản di chúc thừa kế tài sản” phô tô do bà Bình xuất trình được lập từ ngày 07/7/1999 không thể hiện các phần đất mà cụ Hiền đã phân chia có diện tích cụ thể là bao nhiêu m² và không có mốc giới cụ thể. Sau khi có văn bản này cụ Hiền vẫn còn sống; 4-5 năm sau (năm 2003- 2004) cụ Hiền đã phân chia thửa đất thành 03 thửa; phân chia cho ông Phong thửa đất số 112; ông Kim thửa đất số 111 và cụ giữ lại thửa đất số 113 cho riêng cụ. Cả 03 thửa đất này đều đã được UBND thị xã Sơn Tây cấp GGCNQSDĐ hợp pháp đối với từng thửa đất không phát sinh tranh chấp, khiếu nại. Do đó xác định việc cụ Hiền định đoạt tại “Bản di chúc thừa kế tài sản” đã được cụ thay đổi ý chí khi còn sống. Do đó nếu có bản chính “Bản

di chúc thừa kế tài sản” lập ngày 07/7/1999 với nội dung đúng như bản phô tô bà Bình xuất trình cũng đã bị chấm dứt, không có hiệu lực thi hành.

Việc bà Bình, anh Thế Anh cho rằng vợ chồng bà Bình đã phải trả thêm khoản tiền mua đất do cụ Hiền còn nợ nhưng không có căn cứ chứng minh; các đương sự khác không thừa nhận. Khi còn sống cụ Hiền đã định đoạt toàn bộ thửa đất đã mua, vợ chồng bà Bình không có ý kiến gì khác. Do đó không cấp sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ.

Tuy nhiên: Khi cụ Hiền mua đất của cụ Liêm trên đất có 01 nhà cấp IV và 01 gian bếp; vợ chồng bà Bình sống cùng với cụ Hiền tại nhà đất này. Năm 1986 vợ chồng bà Bình đã phá bỏ nhà cũ xây ngôi nhà mái bằng diện tích khoảng 44 m² như hiện nay; đến năm 2009 gia đình bà Bình sửa lại, tôn nền nhà, nền sân trước nhà, trát lại tường nhà lát nền nhà, lát sân gạch đỏ. Như vậy gia đình bà Bình đã quản lý, trông nom, phát triển, tôn tạo đất đến nay đã hơn 40 năm. Cấp sơ thẩm không xem xét đến tài sản trên đất, công sức duy trì, tôn tạo đất của gia đình bà Bình; không xác định các tài sản gắn liền trên phần đất phân chia cho các đương sự để tính chênh lệch là thiếu sót. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Bình, xác định tài sản trên thửa đất số 113 là tài sản riêng của gia đình bà Bình. Sửa án sơ thẩm đối với yêu cầu xem xét tài sản trên đất và trích công sức đảm bảo quyền lợi cho gia đình bà Bình là phù hợp theo quy định tại Điều 618, Điều 658 Bộ luật dân sự năm 2015 và Án lệ số 05/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao. Cụ thể:

Xác định toàn bộ quyền sử dụng thửa đất số 113 diện tích đo thực tế 249,3 m² trị giá thành tiền là $(249,3\text{m}^2 \times 4.827.000 \text{ đồng/m}^2) = 1.203.371.100 \text{ đồng}$.

- Các tài sản trên đất gồm: Nhà 04 gian một tầng $(54,3 \text{ m}^2 \times 3.466.000 \text{ đồng/m}^2) \times 40\% = 75.281.520 \text{ đồng}$; sân lát gạch đỏ $(92,8\text{m}^2 \times 207.000 \text{ đồng/m}^2) \times 40\% = 7.683.840 \text{ đồng}$ là tài sản của bà Bình.

Ngoài ra còn 01 cây nhang một số cây cối, giàn hoa có giá trị không lớn các đương sự không yêu cầu định xem xét, định giá;

Xác định công sức trông nom, quản lý, tôn tạo của gia đình bà Bình đối với phần di sản của cụ Hiền tại thửa đất số 113 tương ứng 1/3 kỷ phần. Do đó trích công sức trông nom, quản lý, tôn tạo của gia đình bà Bình trị giá thành tiền là $1.203.371.100 \text{ đồng} / (9 \times 3 + 1) = 42.977.539 \text{ đồng}$ (làm tròn thành 42.977.500) đồng.

Sau khi trích công sức duy trì di sản cho gia đình bà Bình thì mỗi kỷ phần thừa kế của cụ Hiền được hưởng trị giá thành tiền là $(1.203.371.100 \text{ đồng} - 42.977.500 \text{ đồng}) / 09 \text{ kỷ phần} = 128.932.622$ (đã làm tròn) đồng.

- Ghi nhận việc bà Hoàn cho bà Nho kỷ phần của mình được hưởng. Bà Hà, bà Hoa mỗi người cho bà Nho 1/2 kỷ phần mà họ được hưởng. Do đó bà Nho được 03 kỷ phần. Tính giá trị thành tiền là $128.932.622 \text{ đồng} \times 3 \text{ kỷ phần} = 386.797.866 \text{ đồng}$.

- Ghi nhận việc các bà Ngọc, Nga, Huệ, Lan tặng cho kỷ phần mà họ được hưởng cho bà Bình; Bà Hà, bà Hoa mỗi người mỗi người cho bà Bình 1/2 kỷ phần mà

họ được hưởng. Tổng bà Bình được hưởng trị giá thành tiền là $[(128.932.622 \text{ đồng} \times 6 \text{ kỳ phần}) + 42.977.500 \text{ đồng (phần được trích công sức)}] = 816.573.232 \text{ đồng}$.

Chia bằng hiện vật:

- Mặc dù bà Bình đề nghị đôi phần bà Nho được chia vào phần đất của gia đình bà tại thửa đất ông Phong được cụ Hiền phân chia nhưng bà Nho không nhất trí nên Hội đồng xét xử chỉ có căn cứ chia kỹ phần thừa kế bằng hiện vật tại thửa đất di sản của cụ Hiền để lại.

Căn cứ thực tế, tình trạng thửa đất, để phù hợp sử dụng. Hội đồng xét xử giữ nguyên về cách chia thửa đất của cấp sơ thẩm nhưng bổ sung thêm về việc thanh toán chênh lệch. Cụ thể:

- Chia (Giao) cho bà Bình được quyền quản lý, sử dụng chung 148,9 m² đất tại thửa đất số 113, được sở hữu 02 gian nhà có diện tích 28,3 m² và các tài sản gắn liền trên phần đất được giao cho đến khi bà Bình và các con là Nguyễn Thế Anh, Nguyễn Hải Nam và Nguyễn Thị Mai Phương tự thỏa thuận phân chia kỹ phần của ông Phong hoặc khởi kiện phân chia bằng vụ kiện khác.

- Chia (Giao) cho bà Nho được sử dụng 100,4 m² đất tại thửa đất số 113, được sở hữu 02 gian nhà có diện tích 26 m² và 58,5 m² sân; các tài sản gắn liền trên phần đất được giao;

Về thanh toán chênh lệch.

- Giá trị hiện vật bà Nho được hưởng $[(100,4 \text{ m}^2 \text{ đất} \times 4.827.000 \text{ đồng/m}^2) + (26 \text{ m}^2 \text{ nhà} \times 3.466.000 \text{ đ/m}^2 \times 40\%) + (58,5 \text{ m}^2 \text{ sân gạch} \times 207.000 \text{ đ/m}^2 \times 40\%)] = 525.521.000 \text{ đồng}$. Đối với kỹ phần bà Nho được hưởng, được bà Hoàn, bà Hoa, bà Hà tặng cho trị giá thành tiền là 386.797.866 đồng thì bà Nho đã được chia bằng hiện vật nhiều hơn 138.723.134 (làm tròn là 138.723.000) đồng. Bà Nho phải thanh toán lại phần chênh lệch này.

- Gia đình bà Bình được giao thực tế diện tích 148,9 m² $\times 4.827.000 \text{ đồng/m}^2$ thành tiền là 718.740.300 đồng. Đối chiếu với 816.573.232 đồng mà bà Bình được hưởng và 26 m² nhà + 58,5 m² sân gạch trị giá 40.890.200 đồng trên đất chia (giao) cho bà Nho được hưởng thì bà Bình bị thiếu 138.723.132 (làm tròn là 138.723.000) đồng. Bà Nho phải thanh toán trả lại bà Bình khoản chênh lệch này.

Quan điểm của Kiểm sát viên là có căn cứ pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[3]. Về án phí:

3.1. Về án phí sơ thẩm: Bà Chu Thị Bình, bà Nguyễn Thị Nho là người cao tuổi, xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần thừa kế được hưởng.

3.2. Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 147;148 khoản 2 Điều 308; 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Các Điều: 609,610,611,612,613,616,618,623,649,650,651,658,660,688 Bộ luật dân sự năm 2015.
- Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí; Điều 2 Luật người cao tuổi.
- Án lệ số 05/2016/AL ngày 06/4/2016 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Chu Thị Bình. Sửa một phần bản án sơ thẩm. Cụ thể:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nho về việc chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Đăng Hiền theo pháp luật.

1.1 Xác nhận: Cụ Nguyễn Đăng Hiền chết ngày 12/12/ 2009. Thời điểm mở thừa kế của cụ Hiền là ngày cụ Hiền chết. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hiền có 9 kỷ phần gồm: Bà Nguyễn Thị Nho; Bà Nguyễn Thị Hoàn; Ông Nguyễn Đăng Phong (*Ông Phong chết năm 2017 do vợ ông Phong là bà Chu Thị Bình và các con là: Anh Nguyễn Thế Anh, anh Nguyễn Hải Nam và chị Nguyễn Thị Mai Phương là người thừa kế chuyển tiếp của ông Phong*); Ông Nguyễn Đăng Kim (*chết năm 2019 do vợ ông Kim là bà Nguyễn Thị Hoa và các con là: Anh Nguyễn Đăng Kiên, anh Nguyễn Tùng Lâm và chị Nguyễn Thị Hiền là người thừa kế chuyển tiếp của ông Kim*); Ông Nguyễn Đăng Thư (*chết năm 2016 do vợ ông Thư là bà Nguyễn Thị Nga và các con gồm: Anh Nguyễn Duy Thái, chị Nguyễn Thị Thu Hằng và chị Nguyễn Thị Vân Anh là người thừa kế chuyển tiếp của ông Phong*); Bà Nguyễn Thị Lan; Bà Nguyễn Thị Huệ; Bà Nguyễn Thị Ngọc; Bà Nguyễn Thị Hà.

1.2. Xác định khối di sản thừa kế cụ Nguyễn Đăng Hiền là Quyền sử dụng thửa đất số 113, tờ bản đồ 11, diện tích đo thực tế là 249,3 m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 481717 do UBND thị xã Sơn Tây cấp ngày 06/07/2004 cho chủ sử dụng là cụ Nguyễn Đăng Hiền. Tại: Thôn Tiên Huân, xã Viên Sơn, thị xã Sơn Tây, Hà Nội. Trị giá thành tiền là 1.203.371.100 đồng. Trích 42.977.500 đồng công sức duy trì khối di sản cho bà Bình. Sau khi trích công sức duy trì cho bà Bình thì di sản thừa kế của cụ Nguyễn Đăng Hiền còn lại trị giá thành tiền là 1.160.393.600 đồng.

1.3. Chia di sản của cụ Nguyễn Đăng Hiền trị giá bằng tiền cho 9 kỷ phần thừa kế gồm: Bà Nguyễn Thị Nho; Bà Nguyễn Thị Hoàn; Ông Nguyễn Đăng Phong (*Ông Phong chết năm 2017 do vợ ông Phong là bà Chu Thị Bình và các con là: Anh Nguyễn Thế Anh, anh Nguyễn Hải Nam và chị Nguyễn Thị Mai Phương là người thừa kế chuyển tiếp của ông Phong*); Ông Nguyễn Đăng Kim (*chết năm 2019 do vợ ông Kim là bà Nguyễn Thị Hoa và các con là: Anh Nguyễn Đăng Kiên, anh Nguyễn Tùng Lâm và chị Nguyễn Thị Hiền là người thừa kế chuyển tiếp của ông Kim*); Ông Nguyễn Đăng Thư (*chết năm 2016 do vợ ông Thư là bà Nguyễn Thị Nga và các con gồm: Anh Nguyễn Duy Thái, chị Nguyễn Thị Thu Hằng và chị Nguyễn Thị Vân Anh là người*

thừa kế chuyển tiếp của ông Phong); Bà Nguyễn Thị Lan; Bà Nguyễn Thị Huệ; Bà Nguyễn Thị Ngọc; Bà Nguyễn Thị Hà. Mỗi kỹ phần được hưởng 128.932.622 đồng.

1.4. Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Hoàn tự nguyện tặng cho bà Nguyễn Thị Nho kỹ phần của mình được hưởng. Bà Nguyễn Thị Hà, bà Nguyễn Thị Hoa mỗi người cho bà Nguyễn Thị Nho 1/2 kỹ phần mà họ được hưởng. Xác định bà Nguyễn Thị Nho được hưởng 03 kỹ phần thừa kế, giá trị thành tiền là 386.797.866 đồng.

1.5. Ghi nhận việc các bà Nguyễn Thị Ngọc, Nguyễn Thị Nga, Nguyễn Thị Huệ, Nguyễn Thị Lan tặng cho kỹ phần mà họ được hưởng cho bà Chu Thị Bình; Bà Nguyễn Thị Hà, bà Nguyễn Thị Hoa mỗi người cho bà Bình 1/2 kỹ phần mà họ được hưởng. Xác định bà Chu Thị Bình được hưởng 06 kỹ phần thừa kế trị giá thành tiền là 773.595.732 đồng và được hưởng 42.977.500 đồng *được trích thanh toán công sức* duy trì khối di sản. Tổng bà Bình được hưởng 816.573.232 đồng.

1.6. Chia bằng hiện vật:

1.6.1. Chia (Giao) cho bà Chu Thị Bình được quyền quản lý, sử dụng 148,9 m² đất và các tài sản (02 gian nhà diện tích 28,3 m², phần sân lát gạch đỏ, cây hương, cây cối...) gắn liền trên 148,9 m² đất được chia (giao) tại thửa đất số 113, tờ bản đồ 11, diện tích đo thực tế là 249,3 m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 481717 do UBND thị xã Sơn Tây cấp ngày 06/07/2004 cho chủ sử dụng là cụ Nguyễn Đăng Hiền. Tại: Thôn Tiền Huân, xã Viên Sơn, thị xã Sơn Tây, Hà Nội. Giới hạn bởi các điểm: 1,1',6,7,8,1 trong sơ đồ kèm theo bản án cho đến khi bà Bình và các con là Nguyễn Thế Anh, Nguyễn Hải Nam và Nguyễn Thị Mai Phương tự thỏa thuận phân chia kỹ phần của ông Phong hoặc khởi kiện phân chia bằng vụ kiện khác.

1.6.2. Chia (Giao) cho bà Nguyễn Thị Nho được quyền quản lý, sử dụng 100,4 m² đất được sở hữu các tài sản (02 gian nhà diện tích 26 m², 58,5 m² sân lát gạch đỏ, cây cối...) gắn liền trên 100,4 m² đất được chia (giao) tại thửa đất số 113, tờ bản đồ 11, diện tích đo thực tế là 249,3 m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 481717 do UBND thị xã Sơn Tây cấp ngày 06/07/2004 cho chủ sử dụng là cụ Nguyễn Đăng Hiền. Tại: Thôn Tiền Huân, xã Viên Sơn, thị xã Sơn Tây, Hà Nội. Giới hạn bởi các điểm: 1',2,3,4,5,6,1' trong sơ đồ kèm theo bản án.

1.6.3. Bà Chu Thị Bình và bà Nguyễn Thị Nho có quyền, nghĩa vụ chủ động đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký kê khai; đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với phần đất, phần tài sản được chia (giao) theo quyết định của bản án và theo quy định của pháp luật.

1.6.4. Khi có yêu cầu: Người đang quản lý (giữ) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 481717 do UBND thị xã Sơn Tây cấp ngày 06/07/2004 cho ông Nguyễn Đăng Hiền có nghĩa vụ giao nộp cho Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để cấp mới hoặc điều chỉnh lại tên chủ sử dụng đất, chủ sử dụng tài sản gắn liền với đất theo Quyết định của bản án và theo quy định của pháp luật. Trường hợp không giao hoặc không thể giao lại được thì Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định tại

Điều 178 Luật thi hành án dân sự năm 2014 và Điều 28 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ hướng dẫn Luật thi hành án dân sự.

1.7. Buộc bà Nguyễn Thị Nho phải thanh toán trả bà Chu Thị Bình 138.723.000 (*Một trăm ba mươi tám triệu, bảy trăm hai mươi ba nghìn*) đồng tiền chênh lệch tài sản và giá trị phần tài sản gắn liền trên đất được hưởng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu người phải thi hành án nghĩa vụ trả tiền chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu lãi đối với số tiền chưa thanh toán xong theo mức lãi suất 10%/năm (*theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015*).

2. Về án phí:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bà Chu Thị Bình và bà Nguyễn Thị Nho. Bà Chu Thị Bình không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- TAND thị xã Sơn Tây;
- Chi cục THAD thị xã Sơn Tây;
- Lưu HSV/ VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Minh Hoàng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thành viên HĐXX

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa

Đỗ Minh Hoàng